



VIETFUND
MANAGEMENT

ĐIỂM TIN THÁNG 09.2015

Được phát hành vào ngày 12/10/2015



MỤC LỤC

Kinh Tế Vĩ Mô Và Thị Trường Chứng Khoán Tháng 09/2015

Kinh Tế Vĩ Mô

Thị Trường Chứng Khoán

Tình Hình Hoạt Động Và Đầu Tư Của Quỹ

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (VFMVF1)

Quỹ Đầu Tư Doanh Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)

Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam (VFMVFA)

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam (VFMVFB)

Quỹ ETF VFMVN30 (E1VFN30)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 9/2015

GDP 9 THÁNG 2015 TĂNG TRƯỞNG MẠNH MẼ

GDP Việt Nam 9 tháng đầu năm 2015 tăng trưởng 6,5%. Tốc độ tăng trưởng này cao hơn đáng kể so với tốc độ tăng trưởng cùng kỳ của các năm từ 2011 tới 2014 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân 9 tháng trong các năm từ 2005 tới 2015 (6,33%). Tăng trưởng GDP quý 3/2015 đạt mức 6,82%, cao hơn mức tăng trưởng quý 2 (6,44%) và quý 1/2015 (6,04%). Các chỉ số khác được công bố cho quý 3 như tăng trưởng sản xuất công nghiệp (tăng 9,8% so với cùng kỳ năm trước), giá trị bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước), chỉ số giá tiêu dùng (9 tháng đầu năm tăng 0,4% so với 31/12/2014), tăng trưởng tín dụng đạt 10,78% so với thời điểm đầu năm đều cho thấy sự ổn định và phục hồi của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 của Việt Nam là rất cao so với các nước trong khu vực và nhận được nhiều sự quan tâm từ người đầu tư nước ngoài.

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TĂNG ĐỘT BIẾN

Trong tháng 9 việc ghi nhận các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) lớn đã đưa tổng giá trị vốn đăng ký trong 9 tháng đầu năm 2015 lên 17,15 tỷ USD và tổng giá trị giải ngân đạt 9,65 tỷ USD. Mức giá trị vốn đăng ký 9 tháng năm 2015 đã cao hơn tổng giá trị vốn đăng ký trong cả năm 2014 và tăng 53,4% so với số cùng kỳ. Vốn FDI đăng ký mới được tập trung vào ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 51,5% số dự án cấp phép mới trong 9 tháng đầu tư vào lĩnh vực này. Sự gia tăng FDI cho thấy xu hướng dịch chuyển sản xuất vào Việt Nam, đưa Việt Nam thành một trung tâm sản xuất tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là xu hướng tất yếu khi Việt Nam tận dụng được các lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) và duy trì được chi phí sản xuất rẻ so với các nước lân cận.

TỶ GIÁ VND-USD ỔN ĐỊNH TRỞ LẠI

Sau điều chỉnh mạnh trong tháng 8, tỷ giá giữa đồng VND và đồng USD đã có sự ổn định trở lại trong tháng 9. Sau khi có thông tin về việc Ngân hàng Trung ương Mỹ (FED) không tăng lãi suất cơ bản trong phiên họp kết thúc ngày 17 tháng 9, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) đã ra thông báo không thay đổi tỷ giá giữa đồng VND và USD trong khoảng thời gian tới hết năm 2015 và đầu năm 2016. Tỷ giá giao dịch liên ngân hàng phổ biến ở mức thấp hơn 30 đồng tới 40 đồng so với tỷ giá trần. Ngân hàng Nhà nước đã chủ động bán USD cho các ngân hàng có yêu cầu, đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường. Việc điều chỉnh lãi suất huy động USD đối với các tổ chức về mức 0% từ mức 0,25% từ ngày 28 tháng 9 cũng góp phần làm ổn định tỷ giá. Thị trường ngoại tệ đã ổn định đáng kể trong tháng 9 2015 so với những gì đã diễn ra trong tháng trước đó.

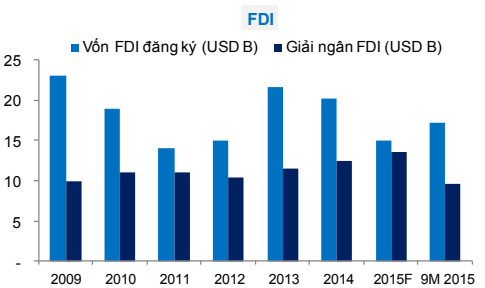
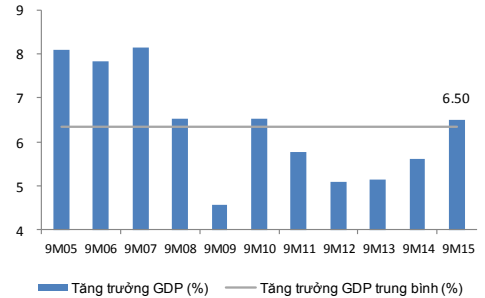
VIỆT NAM ĐANG TIẾN VÀO MỘT CHU KỲ TĂNG TRƯỞNG MỚI

Việc phân tích các chỉ số kinh tế vĩ mô cho thấy Việt Nam đang trong giai đoạn cuối cùng của chu kỳ phục hồi sau khủng hoảng và chuẩn bị bước vào một giai đoạn phát triển mới. Nền kinh tế Việt Nam đã gần hoàn tất quá trình giảm vay nợ và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng. Lạm phát và lãi suất cho vay đã giảm trong giai đoạn từ năm 2011 tới nay và đang xác lập đáy. Tăng trưởng kinh tế được ổn định và phục hồi thể hiện qua mức tăng trưởng GDP và các chỉ số sản xuất, xuất nhập khẩu. Việt Nam sẽ bước vào chu kỳ tăng trưởng mới với động lực là hoạt động sản xuất và giao dịch thương mại. Việc ra nhập các hiệp định thương mại tự do là tiền đề thúc đẩy cho việc Việt Nam trở thành một trung tâm sản xuất mới đồng thời cũng là động lực chính cho sự phát triển trong giai đoạn 2016-2018.

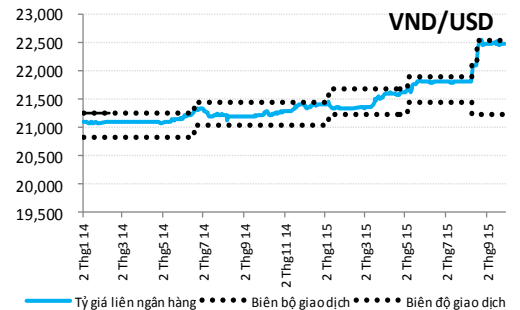
Việc hoàn tất đàm phán Hiệp định thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia các hiệp định thương mại khác với EC và ASEAN... là tiền đề thúc đẩy cho việc Việt Nam trở thành một trung tâm sản xuất mới đồng thời cũng là động lực chính cho sự phát triển trong giai đoạn 2016-2018.

BIỂU ĐỒ

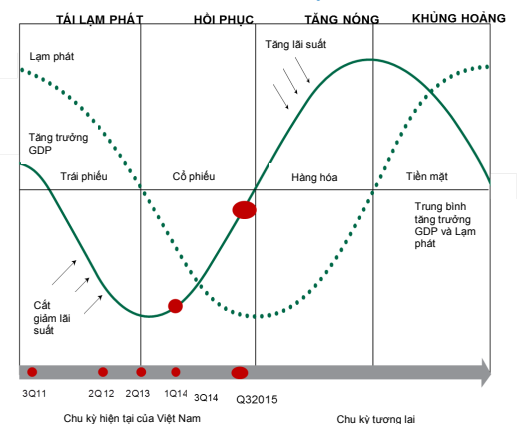
GDP 9 tháng tăng trưởng



Tỷ giá VND-USD



CHU KỲ KINH TẾ VIỆT NAM



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 9/2015

DÒNG TIỀN ĐỨNG NGOÀI THỊ TRƯỜNG TRONG BỐI CẢNH THIỂU THÔNG TIN HỖ TRỢ LÀM GIAO DỊCH GIẢM SÚT

Tháng 9 của năm 2015 vừa khép lại với diễn biến giao dịch khá trầm lắng. VN-Index hầu như dao động trong biên độ hẹp, tích lũy trong vùng điểm 560 đến 570. Giao dịch trong tháng này chịu ảnh hưởng khá lớn trước đợt cơ cấu của các quỹ ETF. Việc dòng tiền đứng ngoài quan sát thị trường và quan sát động thái từ kỳ họp của FED trong việc có tăng lãi suất hay không làm cho thanh khoản thị trường khá thấp. Kết thúc tháng 9, VN-Index đóng cửa tại 562,64 điểm, giảm 2,11 điểm, tương đương giảm 0,37% so với cuối tháng 8. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt gần 1,97 tỷ cổ phiếu giảm 22.7% so với tháng 8. Giá trị giao dịch đạt gần 33,5 ngàn tỷ đồng giảm 26% so với tháng 8.

Thị trường có 11 ngày giao dịch giảm điểm đã lấy mất đi 6,4% điểm số VN-Index, và 10 ngày giao dịch tăng điểm giúp VN-Index phục hồi lại được 6,03%. Mặc dù thị trường dao động trong biên độ hẹp nhưng vẫn theo xu hướng tăng điểm, đã có một số phiên đã cố gắng tiếp cận điểm kháng cự 575. Dòng tiền vẫn tìm đến những cổ phiếu thuộc ngành Ngân hàng, chứng khoán, Bất động sản và cổ phiếu đầu cơ. Những cổ phiếu giúp thị trường tăng điểm như: BID (giúp VN-Index tăng 0,15%), MBB (giúp VN-Index tăng 0,14%), VCB và CTG (giúp VN-Index tăng 0,12%), EIB (giúp VN-Index tăng 0,05%). Ngược lại những cổ phiếu làm VN-Index giảm điểm gồm có GAS (làm VN-Index giảm 0,57%), MSN (làm VN-Index giảm 0,45%), SSI (làm VN-Index giảm 0,1%), MWG và PVD (làm VN-Index giảm 0,07%).

THÁNG ĐẦU TIÊN QUYẾT ĐỊNH NƠI ROOM CÓ HIỆU LỰC NHƯNG NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI LẠI BÁN RÒNG

Nghị định 60 có hiệu lực đúng 1 tháng với nội dung quan trọng là tăng tỷ lệ sở hữu cho Nhà đầu tư nước ngoài, nhưng thông tin trên dường như không tạo được phản ứng tích cực, khối nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng trong tháng 9 mặc dù đây cũng là tháng hai quỹ ETF thực hiện tái cơ cấu danh mục. Trên sàn Hose, Nhà đầu tư Nước ngoài bán ròng lên tới hơn 989 tỷ đồng và là tháng bán ròng mạnh nhất kể từ đầu năm 2015. Khối Ngoại tập trung bán ròng những cổ phiếu như MSN -491 tỷ đồng, BCI -383 tỷ đồng, VIC -357 tỷ đồng, HAG -282 tỷ đồng, KDC -118 tỷ đồng. Bên cạnh đó, các cổ phiếu được mua ròng mạnh gồm có NT2 375 tỷ đồng, BID 215 tỷ đồng, TTF 79 tỷ đồng, PDR 57 tỷ đồng và ETFVFN30 46 tỷ đồng. Trên sàn HNX, Nhà đầu tư Nước ngoài cũng bán ròng 88 tỷ đồng. CEO được mua ròng 31 tỷ đồng, NDN 20 tỷ đồng, TIG 19 tỷ đồng và SCR 12 tỷ đồng, trong khi đó bán ròng mạnh các cổ phiếu VCG -90 tỷ đồng, PVS -41 tỷ đồng, LAS -17 tỷ đồng và PVC -14 tỷ đồng.

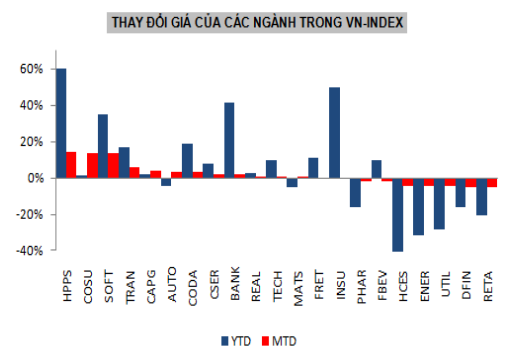
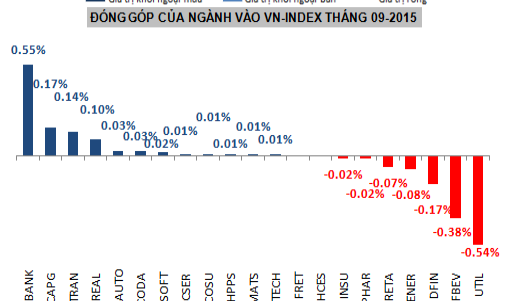
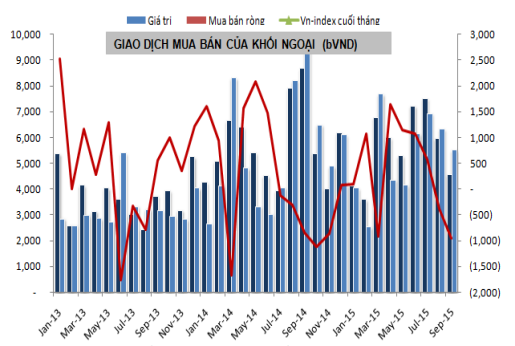
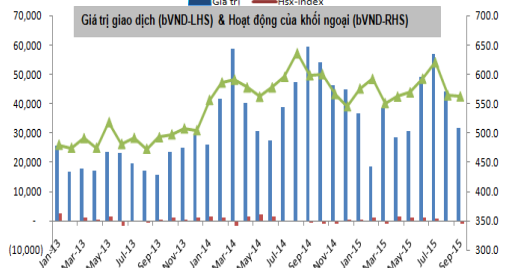
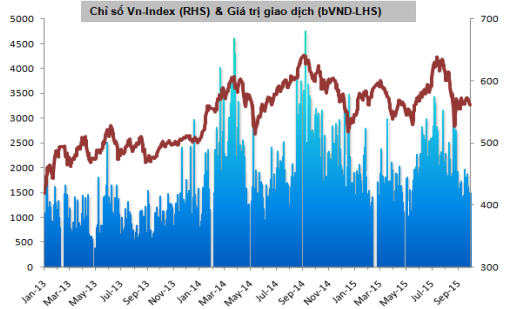
Tổng kết 9 tháng đầu năm 2015, Khối ngoại mua ròng trên cả hai sàn với giá trị mua ròng đạt 4,230 tỷ đồng, trong đó mua ròng trên sàn Hose đạt tới hơn 3,457 tỷ đồng, mua ròng trên sàn HNX hơn 773 tỷ đồng. Về hoạt động của 2 Quỹ ETFs: Kết thúc tháng 9, Quỹ Market Vectors Vietnam ETF (VNM) bị rút vốn 11 triệu USD, ngược lại Quỹ DB X-Tracker FTSE Vietnam Index ETF thu hút vốn gần 1,2 triệu USD.

KINH TẾ VĨ MÔ ĐANG TRÊN ĐÀ KHỞI SẮC GIÚP KẾT QUẢ QUÝ 3 CỦA DOANH NGHIỆP NIỀM YẾT TỐT VÀ TÁC ĐỘNG TỐT ĐẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường trong tháng 9 chứng kiến một khoảng thời gian giao dịch trầm lắng vì thiếu thông tin hỗ trợ, với thanh khoản chỉ bằng 70% mức trung bình của tháng 8. Thị trường đang trong quá trình tích lũy trong vùng điểm VN-Index 550 đến 575 điểm. Trong tháng 10/2015, những yếu tố tích cực hỗ trợ thị trường như: i) Kinh tế vĩ mô hồi phục với mức tăng trưởng GDP theo đánh giá của Chính phủ và nhận định của các tổ chức Quốc tế với con số 6,5%-6,6% cho cả năm 2015; ii) Kết quả kinh doanh quý 3 của các Doanh nghiệp niềm yết được kỳ vọng tốt; iii) Tác động từ kết quả của quá trình đàm phán TPP, tất cả những yếu tố tích cực trên kỳ vọng sẽ tạo sức bật cho thị trường trong khoảng thời gian còn lại của năm.

Về phân tích kỹ thuật, VN-Index đã qua giai đoạn tích lũy và vượt qua ngưỡng hỗ trợ 575 vào đầu tháng 10 và tạo mặt bằng điểm số mới. Với những yếu tố kinh tế tích cực ở trên, Chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ khởi sắc trở lại trong Quý 4. Chúng tôi dự đoán VN-Index trong tháng 10 sẽ dao động trong vùng điểm 575-590 tương ứng với ngưỡng Fibonacci Retracement 50%-61,8%.

BIỂU ĐỒ



THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF1
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	20/05/2004
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	08/10/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTTS, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VSC, VCSC, VDSC, VND,
Phí quản lý	1.95%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	612.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	27,002,276.1
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	23,907.1
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	19,207.2
Tỷ lệ chi phí (%)	2.3
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	83.9

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ VFMVF1 tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và thu nhập thông qua việc đầu tư vào danh mục cân bằng và đa dạng gồm các loại chứng khoán vốn, trái phiếu chuyển đổi, chứng khoán nợ trên thị trường Việt Nam.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ sẽ duy trì mục tiêu phân bổ đầu tư khoảng 20% NAV vào chứng khoán nợ và tiền, 80% vào chứng khoán vốn. Cổ phiếu được lựa chọn theo phương pháp bottom-up, dựa trên mô hình kinh doanh, lợi nhuận dài hạn, giá trị tài sản, tiềm năng dòng tiền ổn định, và chất lượng của đội ngũ quản lý. Trong một số trường hợp, Quỹ có thể thay đổi tỷ lệ phân bổ tài sản giữa cổ phiếu và trái phiếu ở mức +/-10% NAV so với tỷ trọng mục tiêu nhằm nắm bắt tốt nhất cơ hội tăng trưởng hoặc giảm thiểu rủi ro cho danh mục đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 9, trong khi VNIndex giảm nhẹ 0,4% thì Quỹ VFMVF1 vẫn tiếp tục tăng trưởng tốt hơn thị trường, với mức lợi tức 2.0%, đưa tỷ suất lợi nhuận lũy kế từ đầu năm đạt 9.3%, cao hơn 3 lần so với mức tăng trưởng tương ứng của chỉ số VN-Index. Hầu hết danh mục đều có mức tăng trưởng dương trong đó đóng góp nhiều nhất đến từ ngành Ngân hàng (47%), Bất động sản (34%) và Hàng hóa công nghiệp (19%).

Trong tháng 9, Quỹ đã tăng tỷ trọng MBB từ 5% lên 11.5% và trở thành cổ phiếu có tỷ trọng lớn nhất trong danh mục. MBB sau 2 năm thương thảo đã hoàn thành mục tiêu tăng vốn lên 16.000 tỷ từ phát hành thêm vốn cho cổ đông chiến lược, giúp ngân hàng này vượt qua giới hạn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, bên cạnh lợi thế về chi phí vốn rẻ và khả năng kết nối với mạng lưới khách hàng của Viettel, từ đó kỳ vọng sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng mạnh trong các năm tới. Ngoài ra, số lượng cổ phiếu có thể nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài cũng tăng thêm hơn 40 triệu cổ phiếu sau đợt phát hành này, cũng là yếu tố giúp tăng giá cho cổ phiếu MBB khi nhu cầu đầu tư từ nhà đầu tư nước ngoài vào MBB khá lớn.

Bên cạnh đó ngành Dệt may cũng tăng nhẹ góp phần giúp VFMVF1 tăng trưởng cao hơn VN-Index. VFMVF1 kỳ vọng việc hoàn tất đàm phán Hiệp định thương mại tự do xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tham gia các hiệp định thương mại khác với EC và ASEAN sẽ giúp cổ phiếu dệt may TCM, hiện đứng trong top 5 cổ phiếu đứng đầu danh mục, có kết quả lợi nhuận tốt và thị giá cổ phiếu tăng trưởng tốt trên thị trường trong thời gian đến.

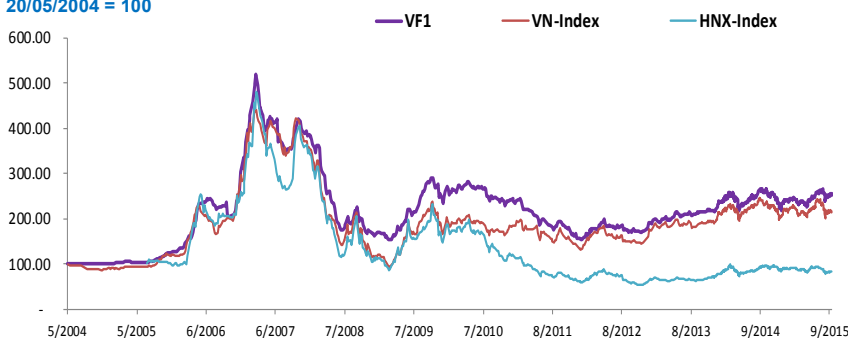
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (20/5/2004)
VFMVF1	22,699.4	2.0	2.0	9.3	(1.3)	154.0 (*)
VN-Index	562.6	(0.4)	(5.1)	3.1	(6.0)	115.1
HNX-Index	78.0	1.4	(8.2)	(6.0)	(12.0)	(22.1)

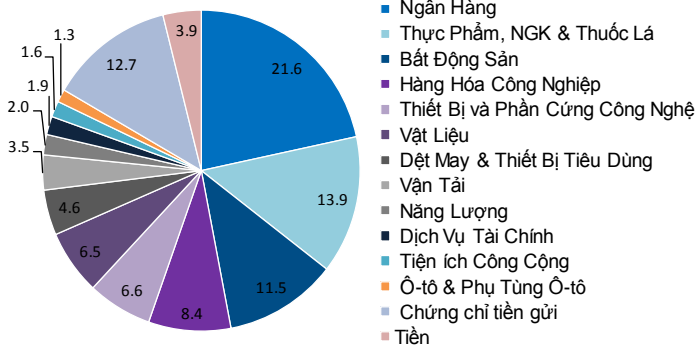
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

20/05/2004 = 100



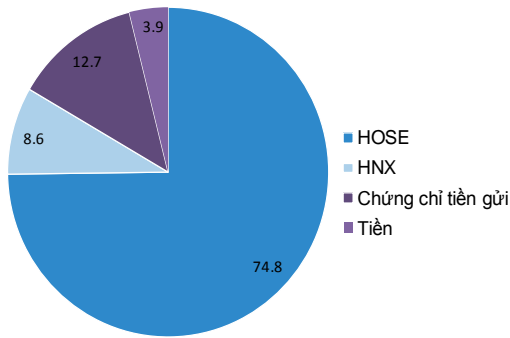
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
MBB	Ngân Hàng	HOSE	11.5
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	9.2
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.6
DBC	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HNX	4.7
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	4.6
KDH	Bất Động Sản	HOSE	3.9
HPG	Vật Liệu	HOSE	3.8
CII	Vận Tải	HOSE	3.5
DXG	Bất Động Sản	HOSE	3.2
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	3.1

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF1	VNIndex
P/E trung vị	9.7	9.0
P/E	9.0	10.9
P/B trung vị	1.8	1.1
P/B	1.5	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	19.6	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	4.8	4.4
Số lượng cổ phiếu	26	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạn mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF1	VNIndex
Hệ số Beta	0.8	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	17.5	17.8
Hệ số Sharpe	(0.4)	(0.5)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVF4
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	28/02/2008
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	16/12/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN.
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPTS, KIS, MSBS, SBS, SSI, VCBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	1.93%
Phí phát hành	Từ 0.2% đến 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi.
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Hàng ngày (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	301.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	29,907,227.3
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,744.1
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,737.4
Tỷ lệ chi phí (%)	2.4
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	102.7

Bà Phan Thị Thu Thảo - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ VFMVF4 là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn từ tăng trưởng vốn gốc và cổ tức thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu của các doanh nghiệp hàng đầu hoạt động trong các ngành cơ bản của nền kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp đầu tư là các doanh nghiệp giá trị lớn đã và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quỹ sử dụng phương pháp phân tích cơ bản làm nguyên tắc đầu tư chủ đạo nhằm thẩm định tiềm năng tăng trưởng, tính bền vững và rủi ro của các khoản đầu tư.

Tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán vốn của Quỹ VFMVF4 có thể đạt tới 100% tổng tài sản của Quỹ. Ngoài ra, để tạo sự linh hoạt trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư cũng như gia tăng giá trị các khoản tiền nhàn rỗi trong ngắn hạn, Quỹ VFMVF4 cũng có thể đầu tư vào các loại chứng khoán nợ. Trong điều kiện bình thường, tỷ trọng các tài sản khác với chứng khoán vốn (như tiền và tài sản tương đương tiền, chứng khoán nợ...) không vượt quá 20% tổng tài sản của Quỹ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Tháng 9, trong khi VNIndex giảm nhẹ 0,4% thì Quỹ VFMVF4 vẫn tiếp tục tăng trưởng thêm 1,7%, đưa tỷ suất lợi nhuận lũy kế từ đầu năm đạt 12,5%, cao hơn 4 lần so với mức tăng trưởng tương ứng của chỉ số VN-Index. Hầu hết danh mục đều có mức tăng trưởng dương. Ngành Ngân hàng tiếp tục đóng góp hơn 60% tăng trưởng của Quỹ, trong đó từ MBB là lớn nhất khi cổ phiếu này được nâng tỷ trọng lên đứng đầu danh mục và tăng mạnh nhất nhóm Ngân hàng với mức tăng hơn 9% trong tháng. MBB sau 2 năm thương thảo đã hoàn thành mục tiêu tăng vốn lên 16.000 tỷ từ phát hành thêm vốn cho cổ đông chiến lược, giúp ngân hàng này vượt qua giới hạn về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, bên cạnh lợi thế về chi phí vốn rẻ và khả năng kết nối với mạng lưới khách hàng của Viettel, từ đó kỳ vọng sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng mạnh trong các năm tới. Ngoài ra, số lượng cổ phiếu có thể nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài cũng tăng thêm hơn 40 triệu cổ phiếu sau đợt phát hành này, cũng là yếu tố giúp tăng giá cho cổ phiếu MBB khi nhu cầu đầu tư từ nhà đầu tư nước ngoài vào MBB khá lớn.

Ngành Bất động sản cũng đóng góp khá tốt cho tăng trưởng của danh mục VFMVF4 khi kỳ vọng về kết quả lợi nhuận tốt được ghi nhận về cuối năm. Hiện nay, VFMVF4 phân bổ vào ngành bất động sản ở vị trí thứ 2 trong danh mục, chỉ sau ngành Ngân hàng, với các cổ phiếu có quỹ đất nhiều, tiềm lực tài chính lành mạnh để triển khai dự án và có lượng hàng bán tốt trong năm. Chúng tôi tin tưởng kết quả tăng trưởng kinh doanh tốt sẽ phản ánh vào tăng trưởng thị giá cổ phiếu trên thị trường.

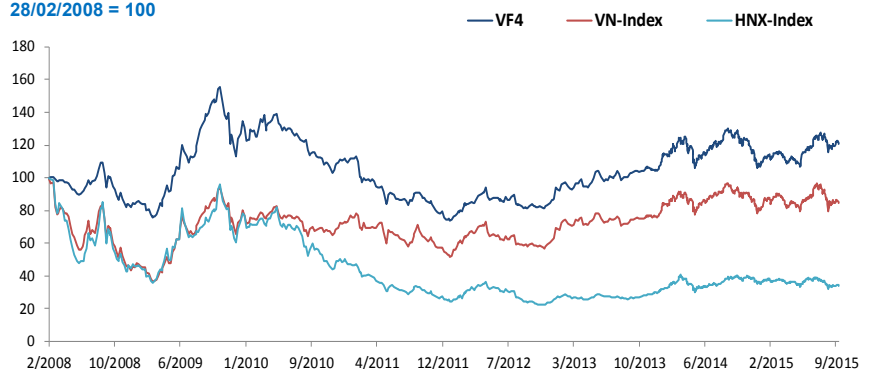
THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VFMVF4	10,096.0	1.7	1.3	12.5	(3.1)	21.0 (*)
VN-Index	562.6	(0.4)	(5.1)	3.1	(6.0)	(15.2)
HNX-Index	78.0	1.4	(8.2)	(6.0)	(12.0)	(65.8)

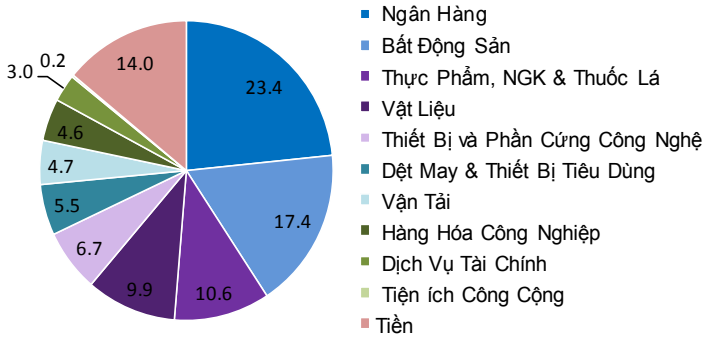
(*) Bao gồm cổ tức đã chốt trả cho nhà đầu tư

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI INDEX

28/02/2008 = 100



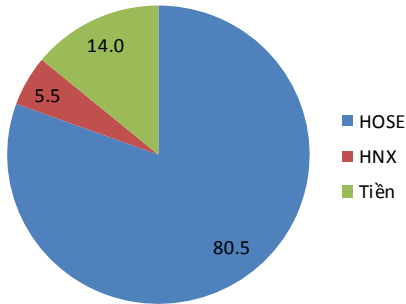
CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (%NAV)



10 CỔ PHIẾU CHIẾM TỶ TRỌNG LỚN

Cổ phiếu	Nhóm ngành	Sàn	% NAV
MBB	Ngân Hàng	HOSE	12.7
VNM	Thực Phẩm, NGK & Thuốc Lá	HOSE	10.6
FPT	Thiết Bị và Phần Cứng Công Nghệ	HOSE	6.7
TCM	Dệt May & Thiết Bị Tiêu Dùng	HOSE	5.5
VIC	Bất Động Sản	HOSE	4.8
VCB	Ngân Hàng	HOSE	4.8
HPG	Vật Liệu	HOSE	4.8
CII	Vận Tải	HOSE	4.7
KDH	Bất Động Sản	HOSE	4.7
REE	Hàng Hóa Công Nghiệp	HOSE	4.2

CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



ĐẶC TRƯNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

	VF4	VN-Index
P/E trung vị	10.8	9.0
P/E bình quân gia quyền	10.1	10.9
P/B trung vị	1.8	1.1
P/B bình quân gia quyền	1.5	1.7
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE (%)	18.1	15.8
Tỷ suất sinh lời của cổ tức (%)	4.4	4.4
Số lượng cổ phiếu	22	309

(Nguồn: VFM và Bloomberg)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền và tương đương tiền	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/DKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; DKGD: Đăng ký giao dịch)

CHỈ SỐ RỦI RO

	VF4	VN-Index
Hệ số Beta	0.9	1.0
Độ lệch chuẩn (%)	17.3	17.8
Hệ số Sharpe	(0.5)	(0.5)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Năng Động Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFA
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	02/04/2010
Ngày chuyển đổi sang quỹ mở	18/04/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Đại lý chuyển nhượng	VSD
Đại lý phân phối	VFM, HSC, VCSC, KIS, VDSC, FPTC
Phí quản lý	Tối đa 2%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.2% - 1% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0.5% - 1.5% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	65.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	9,185,261.7
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	7,833.1
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	6,835.7
Tỷ lệ chi phí 12 tháng (%)	2.6
Vòng quay tài sản 12 tháng (%)	198.0

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Trong tháng 09 năm 2015 thị trường cổ phiếu Việt Nam sụt giảm nhẹ khi mà VN-Index giảm khoảng 0.4%. Cùng thời điểm chỉ số nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30-Index giảm mạnh hơn so với toàn thị trường với mức giảm 1.0%. Trong tháng nhóm cổ phiếu về Bán lẻ và Dịch vụ tài chính giảm nhiều nhất với cùng mức giảm 5.4% và nhóm cổ phiếu về Sản phẩm cá nhân và gia đình tăng nhiều nhất với mức tăng 14.1% nhưng chiếm tỷ trọng rất thấp chỉ dưới 1%. Kết thúc tháng, NAV/CCQ của Quỹ VFMVFA đạt 7,089.3 đồng/ccq, giảm 0.6% so với tháng trước.

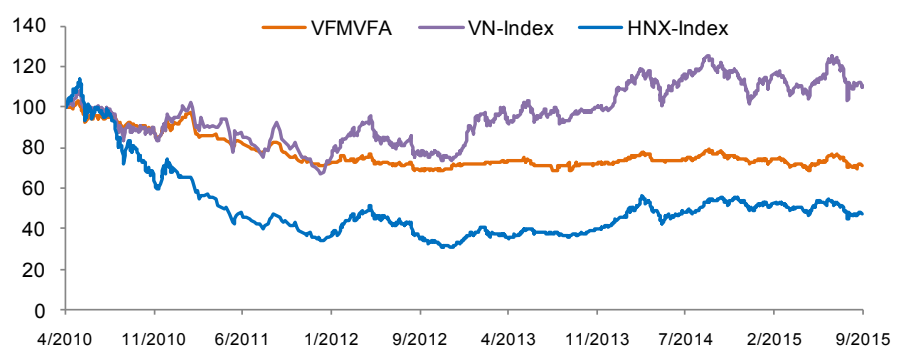
Trong tháng 09/2015, thị trường ghi nhận giảm song theo xu hướng chung thị trường đang có những chiều hướng tăng so với đáy cuối tháng 8 vì thế các chiến lược đã tiếp tục tăng mức đầu tư vào cổ phiếu. Cho nên cơ cấu tài sản của Quỹ có thay đổi đáng kể so với tháng trước khi tỷ trọng đầu tư cổ phiếu tăng lên mức 80.9% NAV và còn lại 19.1% NAV Quỹ thực hiện đầu tư vào các tài sản phi rủi ro như tiền gửi kỳ hạn.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

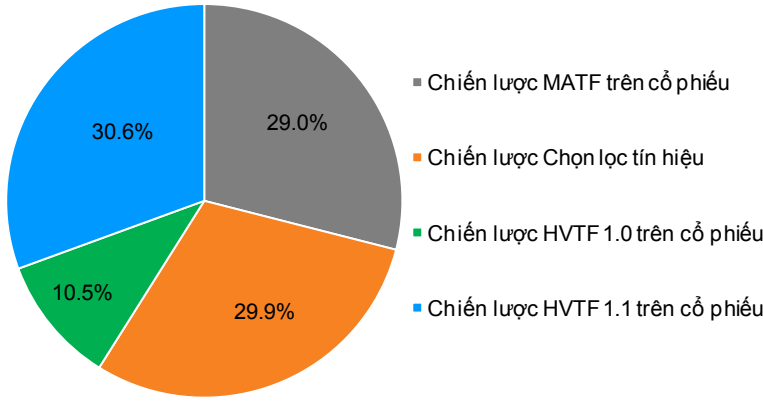
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế 12 tháng	Lũy kế từ khi hoạt động (02/4/2010)
VFMVFA	7,089.3	(0.6)	(3.5)	(3.1)	(7.5)	(29.1)
VN-Index	562.6	(0.4)	(5.1)	3.1	(6.0)	10.2
HNX-Index	78.0	1.4	(8.2)	(6.0)	(12.0)	(52.5)
VN30-Index	580.3	(1.0)	(6.8)	(3.5)	(9.9)	8.6

TĂNG TRƯỞNG NAV SO VỚI TĂNG TRƯỞNG INDEX

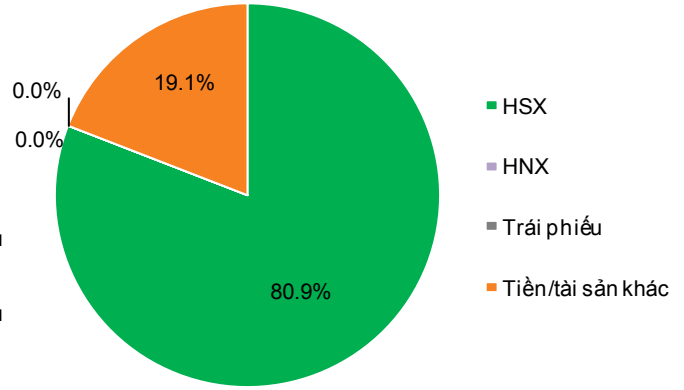
02/04/2010 = 100



CƠ CẤU DANH MỤC THEO CHIẾN LƯỢC (%NAV)



CƠ CẤU DANH MỤC THEO TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ RỦI RO

	VFA	VN-Index
Hệ số Beta	0.5	1.0
Độ lệch chuẩn trung bình năm (%)	10.1	17.8
Hệ số Sharpe	(1.2)	(0.5)

CÁC GIỚI HẠN ĐẦU TƯ

Tài sản đầu tư	Giới hạn
Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ...	49% TTS
Tài sản phát hành bởi nhóm công ty có quan hệ sở hữu	30% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	20% TTS
Chứng khoán của một tổ chức phát hành	10% GTLH
Cổ phiếu/Trái phiếu chuẩn bị niêm yết/ĐKGD	10% TTS
Tổng hạng mục đầu tư lớn (từ 5%TTS trở lên)	40% TTS

(TTS: Tổng giá trị tài sản của Quỹ; GTLH: Tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành; ĐKGD: Đăng ký giao dịch)

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

QUỸ VFMVFB

Tháng 9 - 2015

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Việt Nam
Mã giao dịch	VFMVFB
Loại hình quỹ	Quỹ mở
Tiền tệ	VND
Ngày bắt đầu hoạt động	10/06/2013
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (VSD)
Đại lý phân phối	ABS, HSC, FPT, KIS, MSBS, VCSC, VDSC, VND, VFM
Phí quản lý	0.9%/NAV/năm
Phí phát hành	Từ 0.3% đến 0.6% tùy vào tổng giá trị đăng ký mua (triệu đồng)
Phí mua lại	Từ 0% đến 1% căn cứ vào thời gian nắm giữ CCQ kể từ ngày mua (ngày)
Phí chuyển đổi	0% tổng giá trị đăng ký chuyển đổi
Giá trị đặt mua tối thiểu	1 triệu đồng
Số dư tối thiểu trên tài khoản	100 CCQ
Kỳ giao dịch	Ngày thứ Sáu hàng tuần (ngày T)
Hạn nộp lệnh giao dịch	10h30 sáng ngày T-1
Phân phối lợi nhuận	Chia cổ tức hàng năm (khi thoả mãn các điều kiện được áp dụng)

Tổng NAV (tỷ VNĐ)	106.1
Số lượng CCQ đang lưu hành	8,573,551.4
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng	12,375.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng	11,761.5
Vòng quay tài sản trong năm	444.8

Ông Trần Lê Minh - Quản lý danh mục đầu tư
 ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489
 Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu chính của Quỹ VFMVFB là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm, nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...), giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUỸ TRONG THÁNG

Sau các đợt điều chỉnh trong tháng 8, tỷ giá giữa đồng Việt Nam và Đô la Mỹ đã ổn định trở lại trong tháng 9 2015 (xem đồ thị trang 2). Không có tác động bất thường, thị trường trái phiếu chính phủ (TPCP) và TP chính phủ bảo lãnh Việt nam đã thực sự trở nên yên ắng trong tháng 9. Giá trị giao dịch trực tiếp trong tháng 9 chỉ tương đương 85% giá trị đạt được trong tháng 8, tổng giá trị đạt 38,379 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân phiên là 1875 tỷ đồng. Giao dịch được thực hiện chủ yếu với các trái phiếu có kỳ hạn còn lại ngắn, trong đó giá trị giao dịch các trái phiếu có kỳ hạn quanh 1 năm chiếm tới trên 50% tổng giá trị giao dịch. Lợi suất trái phiếu các kỳ hạn cũng biến động rất nhỏ và gần như không có sự khác biệt về lợi suất trái phiếu các kỳ hạn dưới 5 năm giữa thời điểm 31/8/2015 và 30/9/2015. Các thay đổi về lợi suất trái phiếu giữa hai thời điểm nêu trên đều nhờ hơn 10 điểm cơ bản. Tình hình giao dịch và biến động lợi suất trên thị trường phản ánh tâm lý thận trọng của các tổ chức giao dịch trên thị trường khi nguồn tiền dành cho đầu tư trái phiếu không quá dồi dào và các tổ chức đều ngần ngại khi đứng trước rủi ro tăng lợi suất TPCP.

Việc phát hành TPCP sơ cấp tiếp tục không thành công trong tháng 9/2015 (huy động thành công 2.503 tỷ đồng trái phiếu trong tổng số 15.000 tỷ đồng trái phiếu gọi thầu, tương ứng 16,7%), mặc dù Kho bạc Nhà nước đã tăng lợi suất phát hành TPCP kỳ hạn 5 năm lên mức 6,6% từ mức 6,45% trong tháng 9. Bộ tài chính sẽ thay mặt Chính phủ phát hành 96.760 tỷ đồng trái phiếu, tương đương 38,7% kế hoạch phát hành cả năm 2015. Bộ tài chính cũng đã thực hiện nhiều biện pháp tức thời (vay Ngân hàng Nhà nước, phát hành trái phiếu bằng Đô la Mỹ cho Vietcombank...) để bù đắp khoản thiếu hụt do giảm phát hành trái phiếu. Trong tháng 10, Bộ tài chính sẽ thay mặt Chính phủ trình Quốc hội xin phép phát hành TPCP các kỳ hạn ngắn dưới 5 năm và xác suất được chấp thuận là cao khi cần nhắc thực tế phát hành không thành công TPCP từ đầu năm tới nay. Thị trường kỳ vọng việc phát hành trái phiếu sơ cấp sẽ có các biến động tích cực sau khi có quyết định từ Quốc hội về việc phát hành trái phiếu ngắn hạn.

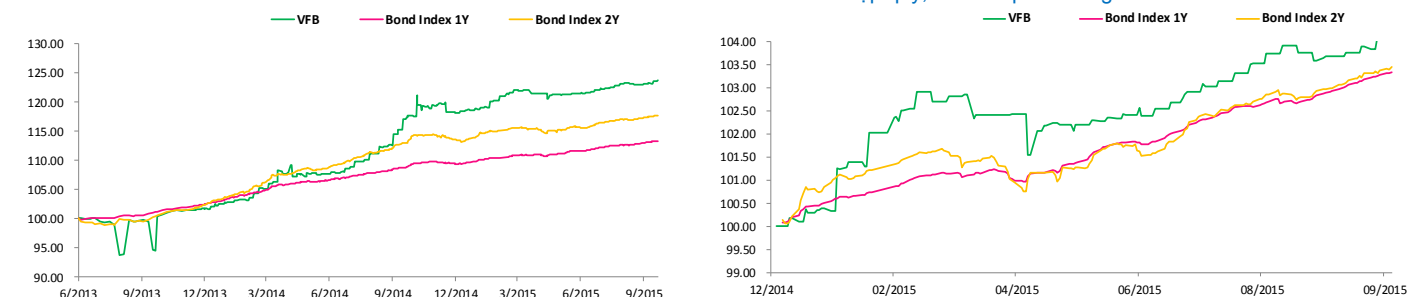
Tại 30/9/2015 NAV/CCQ Quỹ đầu tư Trái phiếu Việt Nam đạt 12.375,2 đồng/CCQ, tăng 0,62% so với tháng trước và tăng 4,29% so với thời điểm đầu năm. Trong tháng 9, Quỹ VFMVFB đã thực hiện các giao dịch mua, thanh lý và mua lại các khoản đầu tư vào TPCP kỳ hạn 1,5 năm với mục tiêu hạn chế rủi ro cho quỹ. Tại thời điểm 30/9/2015, Quỹ nắm giữ trái phiếu chính phủ, tiền mặt và chứng chỉ tiền gửi với tỷ lệ tương ứng là 48%, 14% và 35% giá trị tài sản ròng của quỹ. Quỹ sẽ tiếp tục xu hướng đầu tư thận trọng trong các tháng còn lại của năm.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)			
		1 tháng	3 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (10/6/2013)
VFMVFB	12,375.2	0.6	1.5	4.3	23.7
Bond-Index 1 năm	203.6	0.5	1.2	3.3	13.3
Bond-Index 2 năm	219.0	0.5	1.4	3.5	17.7

TĂNG TRƯỞNG NAV (*) SO VỚI BOND_INDEX (**)

Biểu đồ trái: kể từ khi thành lập quỹ; Biểu đồ phải: trong năm 2015

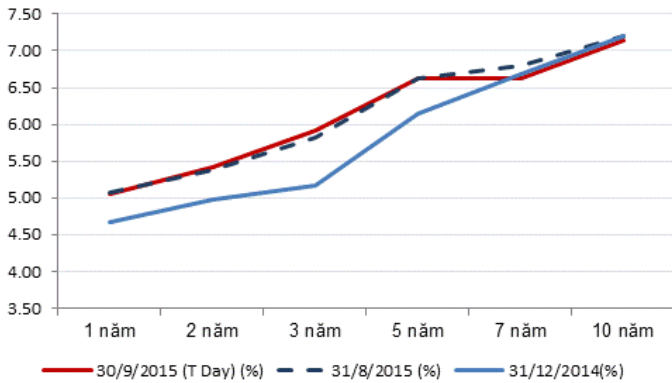


(*) NAV của quỹ VFMVFB có biến động mạnh vào thời điểm ngày 8/8 và 26/9/2013 do thị trường xuất hiện các giao dịch với giá bất thường (mức độ chênh lệch giá lên tới 5% so với mặt bằng giá thị trường) của trái phiếu quỹ đang nắm giữ. Với phương pháp xác định NAV áp dụng trước thời điểm 1/10/2013, Quỹ VFMVFB bắt buộc phải định giá tài sản theo giá giao dịch bất thường nêu trên, NAV của quỹ sẽ không còn bị tác động bởi giá giao dịch bất thường nêu trên sau 2 tuần hoặc có các giao dịch khác xuất hiện trên thị trường. Các biến động này hoàn toàn mang tính kỹ thuật và không phản ánh chính xác tình hình hoạt động của quỹ. Sau ngày 1/10/2013, quỹ VFMVFB sẽ không bị tác động bởi các biến động bất thường tương tự.

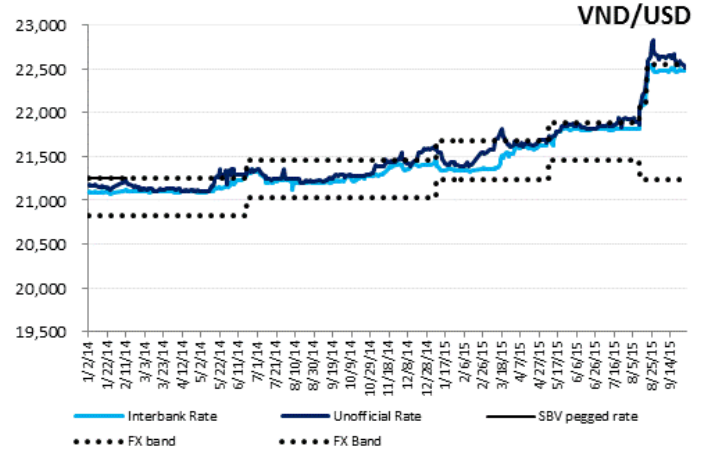
(**) Chỉ số trái phiếu 1 năm và 2 năm do Dragon Capital Debt Management Limited thực hiện. Bản quyền thuộc về Dragon Capital Group. VFM sử dụng các chỉ số này với sự cho phép của Dragon Capital Group.

THÔNG TIN CHUNG THỊ TRƯỜNG

ĐƯỜNG CONG LỢI TỨC

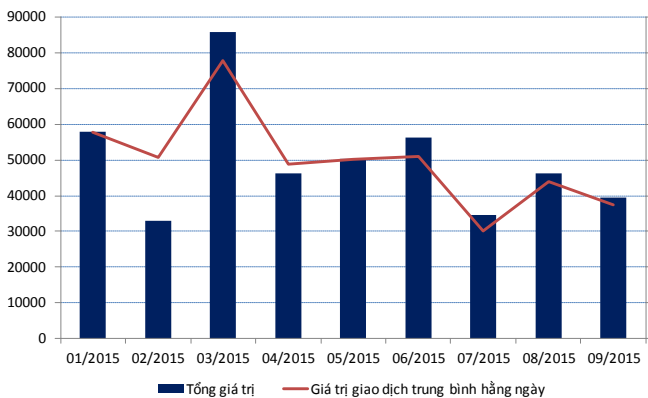


TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

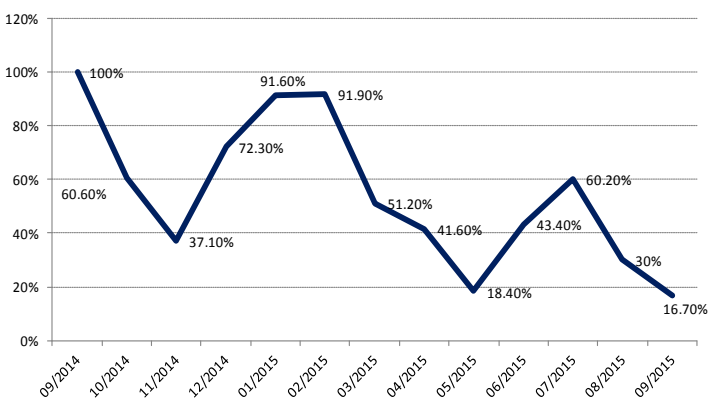


Biến động lợi suất TPCP các kỳ hạn	LS TPCP 1 năm	LS TPCP 2 năm	LS TPCP 3 năm	LS TPCP 5 năm	LS TPCP 7 năm	LS TPCP 10 năm
31/12/2014(%)	4.67	4.99	5.16	6.15	6.69	7.21
31/8/2015 (%)	5.08	5.39	5.82	6.63	6.80	7.19
15/9/2015 (%)	5.09	5.43	5.89	6.58	6.83	7.13
30/9/2015 (T Day) (%)	5.05	5.41	5.92	6.63	6.63	7.15
T Day -14 Change (Bp)	(4.30)	(1.35)	3.50	4.10	(19.37)	2.30
T Day -30 Change (Bp)	(3.13)	2.50	10.12	-	(16.67)	(4.38)
T Day - 31/12/2014 Change (Bp)	38.12	42.50	75.75	47.87	(5.17)	(5.50)

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRỰC TIẾP TRÁI PHIẾU TRÊN THỊ TRƯỜNG THỨ CẤP NĂM 2015 (tỷ đồng)



TỶ LỆ PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG SO VỚI GỢI THẦU TRÊN THỊ TRƯỜNG SƠ CẤP



KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

THÔNG TIN QUỸ

Tên quỹ	ETF VFMVN30
Mã giao dịch	E1VFN30
Mã trên Bloomberg	E1VFN30 VN Equity
Sàn niêm yết	HOSE
Loại hình quỹ	Quỹ hoán đổi danh mục
Chỉ số tham chiếu	VN30-Index
Tiền tệ	VNĐ
Công ty QLQ	VietFund Management (VFM)
Ngân hàng giám sát	Standard Chartered Bank VN
Đại lý chuyển nhượng	Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD)
Đơn vị cung cấp chỉ số	Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Thành viên lập quỹ	HSC, BVSC
Tổ chức tạo lập thị trường	HSC
Lô chứng chỉ quỹ ETF	1 (một) lô ETF tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ ETF.
Tần suất giao dịch hoán đổi	Hàng ngày
Phí quản lý	0.65%/NAV/năm
Phí phát hành	Miễn phí
Phí mua lại	Từ 0% đến 0.15%
Phân phối lợi nhuận	Hàng năm

Tổng giá trị tài sản ròng (tỷ VNĐ)	349.9
Số lượng CCQ đang lưu hành	38,200,000
NAV/CCQ cao nhất 12 tháng (VNĐ)	10,331.2
NAV/CCQ thấp nhất 12 tháng (VNĐ)	8,531.4
Tỷ lệ chi phí bình quân năm (%)	1.14
Mức sai lệch sv chỉ số tham chiếu (%)	1.04

Bà Lương Thị Mỹ Hạnh - Quản lý danh mục đầu tư

ĐT: +84 8 38251488 - Fax: +84 8 38251489

Email: ir@vinafund.com

MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số tham chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá (price index) do Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. **Nhà đầu tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu đối với Quỹ ETF VFMVN30.**

Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động để thực hiện mục tiêu đầu tư đã định trước. Khi danh mục chứng khoán của chỉ số VN30 có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của chỉ số VN30 về cơ cấu và tỷ trọng tài sản. Giá trị danh mục đầu tư của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị danh mục chứng khoán tương ứng của chỉ số tham chiếu VN30.

THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (NAV)

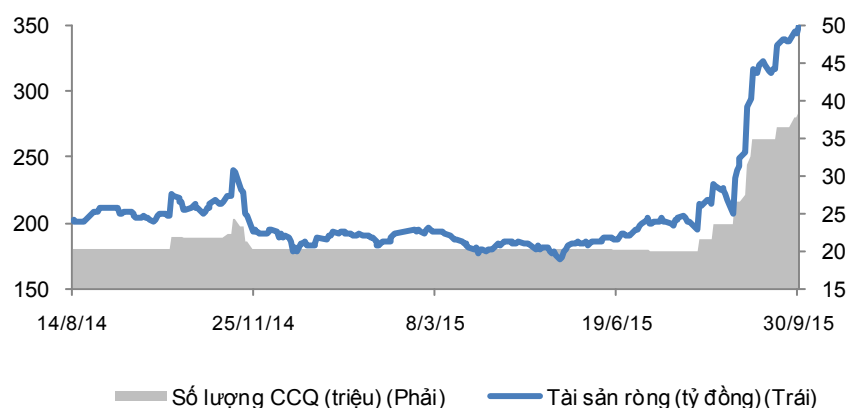
	NAV/CCQ (đồng) & Index	Tăng trưởng (%)				Luỹ kế từ khi kết thúc đăng ký góp vốn (14/8/2014)
		1 tháng	3 tháng	Luỹ kế từ đầu năm	Luỹ kế 12 tháng	
ETF VFMVN30	9,158.4	(0.9)	(5.2)	(1.6)	(8.3)	(8.4)
VN30-Index	580.3	(1.0)	(6.8)	(3.5)	(9.9)	(10.7)

NAV ETF VFMVN30 VÀ CHỈ SỐ THAM CHIẾU

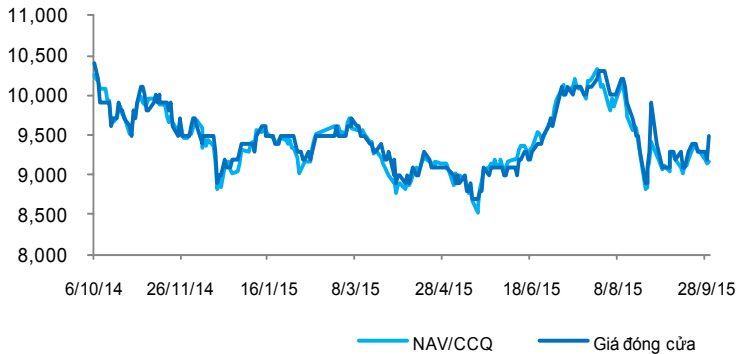
14/08/2014 = 100



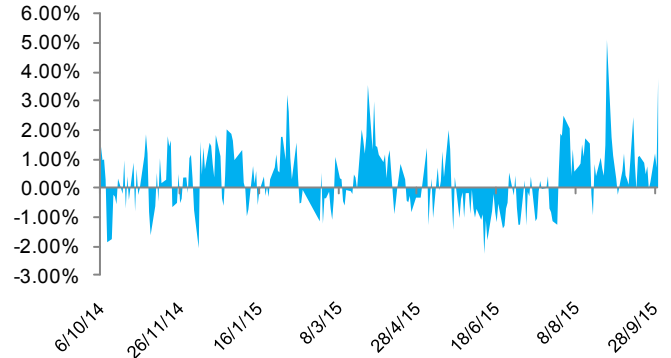
TÀI SẢN RÒNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ



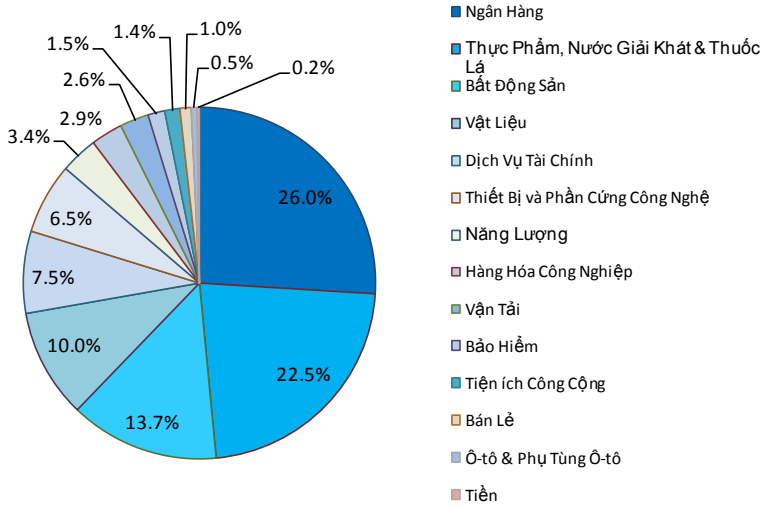
NAV/CCQ VÀ GIÁ ĐÓNG CỬA



MỨC CHÊNH LỆCH GIÁ VÀ NAV (+/-)



PHÂN BỐ TÀI SẢN (%NAV)



CHỈ SỐ CƠ BẢN

	ETF VFMVN30
Tỷ suất sinh lời cổ tức (%)	4.08
Hệ số P/E	10.48
Hệ số P/B	1.55
Số lượng cổ phiếu	30

CHỈ SỐ RỦI RO

	ETF VFMVN30
Hệ số Beta so với VN-Index	0.9
Độ biến động bình quân năm (%)	16.8
Tỷ lệ Sharpe	(0.8)

DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room	Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị (tỷ đồng)	% NAV	Sở hữu nước ngoài/room
VNM	400,002	40.0	11.4%	100.0%	BVH	116,290	5.4	1.5%	50.4%
VIC	917,804	38.3	10.9%	70.2%	GMD	148,670	5.1	1.5%	100.0%
MSN	418,620	31.0	8.9%	73.0%	KBC	401,060	5.1	1.4%	59.5%
STB	1,470,250	24.1	6.9%	23.5%	FLC	724,312	4.6	1.3%	24.9%
HPG	755,940	23.0	6.6%	80.8%	KDC	181,080	4.5	1.3%	49.6%
FPT	511,583	22.8	6.5%	100.0%	CII	181,360	4.2	1.2%	77.6%
VCB	457,600	19.6	5.6%	70.0%	HSG	98,880	4.0	1.2%	89.9%
EIB	1,476,100	17.7	5.1%	87.7%	HHS	218,922	3.6	1.0%	53.8%
MBB	1,127,151	16.9	4.8%	100.0%	ITA	643,310	3.3	1.0%	32.9%
SSI	604,358	14.2	4.1%	51.5%	HVG	194,030	3.3	0.9%	44.6%
CTG	638,690	12.5	3.6%	98.3%	HCM	87,190	3.2	0.9%	100.0%
PVD	298,462	10.2	2.9%	75.3%	VSH	175,680	2.5	0.7%	55.9%
HAG	611,300	9.0	2.6%	49.4%	PPC	135,820	2.4	0.7%	28.7%
DPM	259,240	8.1	2.3%	54.1%	CSM	64,114	1.8	0.5%	32.7%
REE	274,960	6.9	2.0%	100.0%	PVT	174,320	1.8	0.5%	31.2%

KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty VietFund Management (VFM). Các thông tin trong tài liệu được công ty VFM xem là đáng tin cậy, dựa trên các nguồn đã công bố ra công chúng và công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong tài liệu này, ngoại trừ những thông tin, số liệu của các Quỹ do Công ty VFM quản lý, được cung cấp trong tài liệu này. Tài liệu này thể hiện quan điểm, đánh giá của người viết tại thời điểm phát hành, mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của Công ty VFM hay các Quỹ do Công ty VFM quản lý. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.



VIETFUND
MANAGEMENT

TRỤ SỞ CHÍNH

Phòng 1701-04, Lầu 17 Tòa nhà Mê Linh Point
2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 3825 1488 | Fax: +84 8 3825 1489
Đường dây nóng: +84 8 3825 1480

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI

Phòng 903, Lầu 9 Tòa nhà BIDV
194 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3942 8168 | Fax: +84 4 3942 8169

www.vinafund.com